

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 06 - 5 - 2021
*V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Kim Giang;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đới Văn Trinh

2. Ông Nguyễn Văn Thành

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh tham gia phiên toà:
Bà Đỗ Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số: 413/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/4/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nông Thị H, sinh năm 1989;

Nơi ĐKKHKT: Khu dân cư T, phường A, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Nơi ở hiện nay: Thôn L, xã N, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

2. Bị đơn: Anh Đồng Thế Q, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Khu dân cư T, phường A, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

- Người làm chứng: Bà Mạc Thị N, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Khu dân cư T, phường A, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Chị H, anh Q, bà N đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/12/2020, bản tự khai và ý kiến tại các buổi làm việc với Tòa án, chị Nông Thị H trình bày:

Chị và anh Q đăng ký kết hôn ngày 17/12/2010 tại Ủy ban nhân dân xã A, thị xã C (nay là phường A, thành phố C) trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau ngày cưới, vợ chồng chung

sống tại nhà bố mẹ anh Q ở khu dân cư T, phường A. Sau đó, vợ chồng lên Lạng Sơn làm ăn, thỉnh thoảng vẫn về nhà ở T, A. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Sau đó, khoảng 2 - 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng thường xảy ra bất đồng quan điểm, dẫn tới cãi vã, xô xát. Gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên giải nhưng không được, mâu thuẫn ngày càng lớn, tình cảm vợ chồng mất dần. Từ tháng 7/2020, mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng. Vợ chồng chính thức sống ly thân và không quan tâm đến nhau. Chị chuyển về thôn L, xã N, huyện C, tỉnh Lạng Sơn gần nhà bố mẹ đẻ ở hẳn và không chung sống cùng anh Q nữa. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm và không thể về đoàn tụ được. Do vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Q. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đồng Thị Hồng H, sinh ngày 27/3/2011 và Đồng Thị Hồng M, sinh ngày 18/11/2013. Hiện tại, các con chung đang ở cùng với mẹ đẻ anh Q là bà Mạc Thị N ở khu dân cư T, phường A, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Nếu ly hôn, chị đề nghị tòa án giao cháu Mai cho anh Q nuôi dưỡng và giao cháu Hoa cho chị nuôi dưỡng. Chị và anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung với nhau. Hiện tại, chị làm nghề bán hàng tự do, thu nhập khoảng 15.000.000đ/tháng. Chị đủ khả năng để chăm sóc tốt cho con. Về quan hệ tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh Đồng Thế Q được tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến tòa án. Ngày 02/4/2021, anh Q có đơn xin xét xử vắng mặt gửi qua bưu điện đến Tòa án xác định lý do anh không đến Tòa án theo giấy triệu tập vì lý do anh làm việc ở xa và do tình hình dịch bệnh Covid - 19 nên anh không thể về được. Anh Q xác định vợ chồng mâu thuẫn từ mấy năm trở lại đây. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, dẫn đến thường hay cãi vã, xúc phạm nhau. Gia đình đã khuyên bảo, hòa giải nhiều nhưng không được. Từ tháng 7/2020 đến nay, vợ chồng sống ly thân và không quan tâm đến nhau. Nay chị H xin ly hôn, quan điểm của anh là nhất trí ly hôn vì vợ chồng không còn tình cảm và không thể đoàn tụ được. Về con chung: Anh Q cũng đề nghị giao con chung Đồng Thị Hồng H cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung Đồng Thị Hồng M cho anh trực tiếp nuôi dưỡng. Anh và chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung với nhau. Về quan hệ tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 07/01/2021, cháu Đồng Thị Hồng H trình bày có nguyện vọng xin được ở với mẹ; cháu Đồng Thị Hồng M trình bày có nguyện vọng xin được ở với bố.

- Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 15/4/2021, bà Mạc Thị N - mẹ đẻ của anh Q xác định: Nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể giữa chị H và anh Q thế nào bà không nắm được. Bà chỉ biết là khoảng vài tháng trở lại đây giữa chị H và anh

Q có xảy ra mâu thuẫn, sau đó, vợ chồng sống ly thân và gửi 02 con nhờ bà trông nom giúp. Bà và gia đình đã khuyên bảo, hòa giải nhưng không được. Bà không muốn vợ chồng ly hôn, nhưng chị H cứ cương quyết thì tùy vợ chồng quyết định. Về con chung: Hiện tại 02 con chung là Đồng Thị Hồng H và Đồng Thị Hồng M đang do bà trông nom, chăm sóc giúp vợ chồng. Theo bà nếu vợ chồng ly hôn thì nên giao cho mỗi người nuôi 01 con. Nếu anh Q được nuôi con, bà sẽ hỗ trợ anh Q chăm sóc con trong thời gian anh Q đi làm.

- Tại các biên bản xác minh với khu dân cư T xác định: Vợ chồng chị H, anh Q có mâu thuẫn, bất đồng cụ thể thể nào địa phương không nắm được. Chỉ biết thời gian gần đây, chị H không chung sống cùng anh Q. Nay chị H xin ly hôn, quan điểm của địa phương là đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo định pháp luật. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung, thời gian gần đây anh chị gửi 02 cháu cho bà nội là bà Mạc Thị N nuôi dưỡng. Nếu tòa án giải quyết việc ly hôn quan điểm của địa phương là đề nghị Tòa án xem xét nguyện vọng của các bên khi giao con.

Tại phiên tòa:

Chị H, anh Q vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ thời điểm thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Về đường lối giải quyết đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nông Thị H được ly hôn anh Đồng Thế Q. Về con chung: Xử giao con chung là Đồng Thị Hồng H, sinh ngày 27/3/2011 cho chị Nông Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi; giao con chung Đồng Thị Hồng M, sinh ngày 18/11/2013 cho anh Đồng Thế Q trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị H, anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung với nhau. Chị H, anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở chị H, anh Q thực hiện quyền này. Về án phí: Chị Nông Thị H phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định

đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Người làm chứng là bà Mạc Thị N vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh Đồng Thế Q cư trú tại: Khu dân cư T, phường A, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Chị Nông Thị H khởi kiện xin ly hôn anh Q và đề nghị giải quyết về việc nuôi con chung, do vậy, đây là vụ án về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh thụ lý giải quyết vụ án là đúng với thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị H và anh Đồng Thế Q kết hôn với nhau ngày 17/12/2010 trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo các điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường An Lạc. Do vậy, hôn nhân của chị H, anh Q là hợp pháp. Sau khi kết hôn một thời gian, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Từ tháng 7/2020, chị H và anh Q đã sống ly thân và không quan tâm liên lạc với nhau. Cả chị H và anh Q đều xác định vợ chồng không còn tình cảm và không thể về đoàn tụ được. Hội đồng xét xử thấy rằng việc chị H, anh Q không sống chung; không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu của chị H xin ly hôn anh Q.

[4] Về con chung: Cả chị H và anh Q đều thống nhất quan điểm đề nghị giao con chung là Đồng Thị Hồng H, sinh ngày 27/3/2011 cho chị Nông Thị H trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Đồng Thị Hồng M, sinh ngày 18/11/2013 cho anh Đồng Thế Q trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H, anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung với nhau. Chị H và anh Q đều có công việc và thu nhập, đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung. Quan điểm nuôi con của chị H thống nhất với quan điểm của anh Q cũng như phù hợp với nguyện vọng của cháu Hoa và cháu Mai. Do vậy, cần căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận theo yêu cầu của chị H về việc giao con. Chị H, anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung với nhau. Chị H, anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về quan hệ tài sản: Chị H, anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra việc xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nông Thị H được ly hôn anh Đồng Thế Q.

2. Về con chung: Xử giao con chung là Đồng Thị Hồng H, sinh ngày 27/3/2011 cho chị Nông Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi; giao con chung Đồng Thị Hồng M, sinh ngày 18/11/2013 cho anh Đồng Thế Q trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị H, anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung với nhau.

Chị H, anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở chị H, anh Q thực hiện quyền này.

3. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nông Thị H phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ mà chị H đã nộp theo biên lai thu số: AA/2017/0006772 ngày 28/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Chị H đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Chí Linh;
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- UBND phường A (Để ghi sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

